

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ LỘC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v ly hôn giữa chị N và anh H

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đức Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Công;

Ông Đặng Chí Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Trang, là kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1995; trú tại: Xóm T, xã V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; trú tại: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị H và anh T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày: Chị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam

Định. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, một năm nay vợ chồng đã không còn chung sống. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có một con chung tên là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2017. Chị N đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo H. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, hai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị N, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đề nghị của chị N, giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Bảo H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là chị N, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Bị đơn là anh H không có yêu cầu phản tố, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị N và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh

Nam Định, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị N ly hôn anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị N và anh H có một con chung tên là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2017, hiện tại cháu H đang được chị N nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị N muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Đối với anh H không có ý kiến về yêu cầu này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cháu H được giao cho chị N nuôi dưỡng. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị N không có đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích N ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2017, cho đến khi trưởng thành hoặc khi chị N và anh H có yêu cầu khác.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà chị N đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số AA/2016/0001041 ngày 17 tháng 9 năm 2019, chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh H có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Đức Cường**